|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TRƯỜNG .........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------------** |

**BÀI THU HOẠCH**

**BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN**

**Module TH2: Đặc điểm tâm lí của học sinh dân tộc ít người, học sinh có nhu cầu đặc biệt, học sinh có hoàn cảnh khó khăn**

Năm học: ..............

Họ và tên: .

Đơn vị:

**1. Một số đặc điểm của học sinh dân tộc thiểu số ở địa phương**

Giáo dục ngôn ngữ ở các tỉnh miền núi luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc ở các tỉnh Tây Nguyên luôn là nhiệm vụ hàng đầu của những người đang giảng dạy tại nơi đây. Đó là việc dạy học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc thiểu số đang cư trú tại dải đất này, các dân tộc như Ê – đê, Jrai, Bahnar... mục đích của việc giáo dục ngôn ngữ này là nhằm cung cấp cho các em một công cụ giao tiếp, một phương tiện tư duy, nhanh chóng hòa nhập cộng đồng, cùng sống dưới mái nhà chung Việt Nam, cùng chung tiếng nói, cùng sử dụng một ngôn ngữ, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng mới. thế nhưng xét về mặt chất lượng, hiệu quả giáo dục ngôn ngữ hiện nay ở các tỉnh Tây Nguyên, như Gia Lai, KonTum, ĐăkLăk vẫn còn thấp. học sinh không đủ vốn từ vựng để hiểu các môn học khác. Nguyên nhân của tình trạng trên là năng lực ngôn ngữ, kiến thức tiếng Việt của các em còn hạn chế, việc dạy học tiếng Việt cho học sinh Tiểu học người dân tộc ở những tỉnh trên vẫn chưa mang lại hiệu quả mong đợi. Là những người làm công tác giáo dục, chúng ta hãy suy ngẫm về đặc điểm tâm lý của học sinh dân tộc.

a) Đặc điểm về nhận thức

Nhìn chung, các nét tâm lí như ý chí rèn luyện, óc quan sát, trí nhớ, tính kiên trì, tính kỉ luật,... của học sinh dân tộc chưa được chuẩn bị chu đáo. Bên cạnh đó, nhận thức cảm tính phát triển khá tốt: cảm giác, tri giác của các em có những nét độc đáo. Tuy nhiên nó chưa được hoàn thiện: cảm tính, mơ hồ không thấy được bản chất của sự vật hiện tượng.

Khả năng phân tích, tổng hợp và khái quát phát triển chậm, khả năng tư duy (thao tác tư duy) nói chung và khả năng tiến hành các thao tác trí óc nói riêng hình thành khó khăn. Quá trình tư duy của các em chỉ đạt mức trung bình. Từ những đặc điểm tâm lí nói trên, có thể thấy: khả năng tư duy kinh nghiệm đạt mức cao so với trình độ chung lứa tuổi; song khả năng tư duy lí luận còn thấp so với yêu cầu (thiếu toàn diện, hệ thống). Tri thức thói quen được hình thành bằng con đường kinh nghiệm ảnh hưởng đến quá trình tiến hành các thao tác trí tuệ của các em: khả năng ghi nhớ có ý thức, có chủ định còn yếu. Đặc biệt, về ngôn ngữ dùng quen tiếng mẹ đẻ, trong khi đó quá trình nhận thức, tiếp thu tri thức ở trường lại diễn ra bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Như vậy, xét về mặt giao tiếp các em gặp khó khăn.

Học sinh dân tộc có ưu điểm về thể chất, thể lực, có tính cách riêng, yêu lao động, quí thầy cô, tình bạn, trung thực, dũng cảm, bên cạnh những học sinh rụt rè, nhút nhát, tự ty, tự ái, nhiều học sinh có lòng vị tha, ham hiểu biết, đặc biệt là ý chí phấn đấu. Trong lối sống các em không bị gò bó, có những thói quen không tốt (như tác phong chậm chạp, thiếu ngăn nắp, thiếu vệ sinh,...) ảnh hưởng đến công tác giáo dục khi các em theo học ở trường.

Cần trang bị cho học sinh ngôn ngữ phổ thông để mở rộng phạm vi nhu cầu giao tiếp, hiện thực hoá những nhu cầu đặc trưng lứa tuổi và những nét riêng trong nhu cầu của học sinh dân tộc hiện nay.

b) Tính tự ty, tự ái là những đặc điểm cơ bản của học sinh dân tộc ít người ở địa phương

Tính tự ty cộng với khả năng diễn đạt tiếng phổ thông còn hạn chế, nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần quá thấp so với học sinh kinh, tạo cho các em tâm lí khó hoà đồng.

Đồng thời học sinh dân tộc có tính tự ái cao, nếu các em gặp phải những lời phê bình nặng nề hoặc khi kết quả học tập kém, quá thua kém bạn bè một vấn đề nào đó trong sinh hoạt, bị dư luận, bạn bè chê cười … các em dễ xa lánh thầy giáo và bạn bè hoặc bỏ học. Nếu giáo viên không hiểu rõ sẽ thiếu nhiệt tình cần thiết để tìm ra phương hướng và biện pháp giải quyết những vướng mắc của các em.

Ngoài ra, trong học sinh dân tộc ít người, thường các em ít nói, e dè, dễ xấu hổ, thiếu những hoài bão, ước mơ cần thiết. Cho nên những tác động ngoại cảnh dễ làm cho những em này bỏ học, lấy chồng sớm....

Tìm hiểu và nắm vững đặc điểm tâm sinh lí, cá tính, năng lực, hoàn cảnh gia đình … của từng học sinh lớp chủ nhiệm. Quan tâm nhiều hơn đến học sinh là người đồng bào.

Giáo dục và cảm hoá được học sinh tích cực tham gia vào việc học tập và các sinh hoạt tập thể.

**2/ Tâm lý của học sinh khuyết tật và chậm phát triển:**

A .Đặc điểm cảm giác và tri giác

Để chẩn đoán và đánh giá sự phát triển nhận thức cảm tính của trẻ CPTTT từ 2-6 tuổi người ta sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó phương pháp trắc nghiệm được sử dụng nhiều nhất. Việc lựa chọn này dựa trên cơ sở khoa học của các bài tập trắc nghiệm hoặc các tiêu chí chẩn đoán của phương pháp. Từ đó, các nhà nghiên cứu đã xác định được hành động tri giác và khả năng học tập của trẻ trong lĩnh vực tri giác, các hành động tri giác có liên quan đến sự hướng dẫn và chỉ dẫn của người lớn hay không. Ví dụ, khi người ta yêu cầu trẻ lắp “tháp trí tuệ” thì mục đích của trắc nghiệm này là muốn xác định những vấn đề như: trẻ đã lắp ráp như thế nào, trẻ có thường xuyên hướng về phía người lớn hay không? trẻ chọn những chi tiết cần thiết bằng cách nào, thời lượng cần thiết để trẻ có thể lắp xong là bao lâu?

Trẻ em chậm phát triển trí tuệ tri giác các đối tượng chậm hơn trẻ bình thường, trong một thời gian nhất định thì khối lượng các em này quan sát được ít hơn so với trẻ bình thường (khoảng 40% so với trẻ bình thường). Điều đó nói lên rằng tri giác thị giác của trẻ phát triển rất hạn chế, trẻ không có khả năng phân biệt, bắt chước các hình dạng. Trẻ bình thường, khi quan sát chỉ liếc mắt nhìn là nhận biết ngay được đối tượng, còn trẻ chậm phát triển trí tuệ phải nhìn kĩ, nhìn liên tục, nhìn lần lượt từng chi tiết mới nhận biết được đối tượng. Có những trường hợp, trẻ không thể nhận biết được đối tượng ngay cả khi có sự hỗ trợ của người lớn.

Như vậy, trẻ chậm phát triển trí tuệ vẫn có khả năng tri giác nhưng sự tri giác đó nghèo nàn, hạn chế trong phạm vi hẹp. Tất cả những điều đó đều gây khó khăn cho sự định hướng của trẻ trong hoàn cảnh mới, làm cho tốc độ học tập chậm hơn các trẻ khác.

- Khó khăn trong việc phân biệt hóa:

Khi đưa cho trẻ xem một bức tranh, yêu cầu các em quan sát và kể lại những gì quan sát được thì chúng ta nhận thấy: trẻ không hiểu được bố cục bức tranh, không phân được nét mặt vui, buồn của các nhân vật trong tranh, không phân biệt được các đối tượng gần giống nhau, chẳng hạn như: con chuột và con dơi, cái địa bàn và cái đồng hồ, con  sóc và con mèo v.v. Nhiều trẻ gặp khó khăn khi phân biệt màu sắc, hình dáng, độ lớn, nhất là những vật gần giống nhau như hình vuông và hình chữ nhật. Trẻ cũng rất khó có thể phân biệt hoặc bắt chước các âm thanh. Tất cả những khó khăn đó đã ảnh hưởng rất lớn đến việc học của trẻ. Trẻ không thể chú ý, không thể tập trung vào việc gì đó trong vài phút.

- Thiếu tính tích cực trong quá trình tri giác:  Trong quá trình quan sát, trẻ thường có biểu hiện không muốn xem xét kĩ càng các chi tiết, không muốn hiểu rõ nội dung cần quan sát mà chỉ tri giác qua loa, hời hợt.

Do thần kinh bị yếu nên quá trình tri giác thính giác của trẻ gặp khó khăn và có biểu hiện kém phát triển. Không nhạy bén trong việc phân biệt âm thanh là nguyên nhân gây ra sự kém phát triển về ngôn ngữ và ảnh hưởng đến sự phát triển tư duy. Tri giác âm thanh không tốt đã gây trở ngại cho trẻ trong việc định hứơng môi trường xung quanh. Tất cả những vấn đề nêu trên đều gây ra bất lợi cho việc học tập và lao động của trẻ chậm phát triển trí tuệ.

Biện pháp tốt nhất để phát triển cảm giác và tri giác của trẻ chậm phát triển  trí tuệ là tăng cường sức khoẻ, nghỉ ngơi tích cực, chế độ làm việc và học tập hợp lý, tổ chức các hoạt động vui chơi bổ ích. Các em phải được đến trường học tập, được chơi với các bạn trong môi trường giáo dục bình thường. Hoạt động vui chơi và hoạt động trong nhà trường sẽ giúp cho sự phát triển về cảm giác và tri giác của trẻ được tốt hơn. Điều này được thể hiện rất rõ, học sinh các lớp lớn bao giờ cũng có cảm giác và tri giác tốt hơn các học sinh lớp bé, học sinh đã đi học có cảm giác tốt hơn nhiều so với trẻ chưa đi học. Đồng thời cần áp dụng biện pháp tổ chức các hoạt động ngoài trời nhà trường như:

• Tham quan các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, bảo tang

• Tổ chức quan sát thiên nhiên, động, thực vật, các hoạt động khác nhau của con  người.

• Các em đọc truyện cho nhau nghe, cùng xem tranh, ca múa nhạc.

• Tổ chức các trò chơi tập thể.

Các hoạt động trên sẽ làm phong phú kinh nghiệm sống, mở rộng tầm hiểu biết về các biểu tượng, khái niệm; là phương tiện chủ yếu làm tốt hơn chất lượng cảm giác và tri giác của các em.

b. Đặc điểm phát triển tư  duy

Trong tâm lý học có bốn dạng tư duy cơ bản: trực quan-hành động (hình thành vào lúc trẻ 2,5-3 tuổi), tư duy trực quan-hình ảnh (hình thành vào lúc trẻ 3,5-4 tuổi), tư duy trực quan-sơ đồ (hình thành vào lúc trẻ 5-5,5 tuổi) và tư duy ngôn ngữ -lôgic (hình thành vào lúc trẻ từ 5,5-6 tuổi đến 7-8 tuổi).

Nếu tư duy trực quan hình ảnh cho phép trẻ khái quát hoá hoặc chia nhóm các đối tượng dựa trên những đặc điểm cơ bản và cả thứ yếu, thì tư duy trực quan – sơ đồ cho phép xác định các tiêu chí cơ bản của tình huống và các đặc điểm đặc trưng của các đối tượng và trên cơ sở đó mới tiến hành khái quát hoá và chia nhóm chúng. Nhưng khả năng đó ở trẻ chỉ diễn ra trong trường hợp nếu đối tượng đó tồn tại ở bình diện bên ngoài, ở dạng sơ đồ hoặc mô hình. Những dạng tồn tại đó giúp trẻ tách được những dấu hiệu cơ bản khỏi những cái thứ yếu. Nếu trẻ có thể rút ra được khái niệm trên cơ sở mô tả sự vật và hiện tượng, nếu quá trình tư duy diễn ra ở bình diện bên trong và trẻ thậm chí không dựa vào sơ đồ bên ngoài hệ thống hoá các đối tượng đúng, khi đó chúng ta đang nói về sự hiện diện của tư duy ngôn ngữ lôgic.

Ở trẻ mẫu giáo lớn trong một chừng mực nào đó tất cả các dạng tư duy đều phát triển, chính vì vậy việc chẩn đoán tư duy của trẻ trở nên rất phức tạp. Ở thời kỳ này tư duy trực quan – hình ảnh và tư duy sơ đồ là phát triển hơn cả nên các nhà nghiên cứu tập trung chú ý khảo sát và chẩn đoán – đánh giá mức độ phát triển của chúng đặc biệt là đối với những trẻ có vấn đề trong hoạt động nhận thức.

Các công trình nghiên cứu khác nhau về hoạt động nhận thức của trẻ em chậm phát triển trí tuệ đã rút ra ba đặc điểm nổi bật về tư duy:

+ Tư duy mang tính cụ thể – trực quan, yếu về khái quát hóa;

+ Thiếu tính liên tục trong tư duy

+ Yếu vai trò điều chỉnh của tư duy.

Tư duy cụ thể trực quan, yếu về khái quát hoá là đặc điểm đầu tiên về tư duy của trẻ chậm phát triển trí tuệ. Điều này được thể hiện rõ trong quá trình học tập của trẻ, nhiều em khi thực hiện nhiệm vụ phân loại đối tượng, quan sát tranh thường đưa ra những nhận xét không đúng về bản chất đối tượng. Ví dụ, các em đã xếp con bướm và hoa thành một nhóm, mèo và chuột thành một nhóm, khi giáo viên hỏi tại sao xếp như vậy, các em đã giải thích rằng bướm thường đậu trên hoa, mèo thường vồ chuột.

Điều đó chứng tỏ tư duy của trẻ chậm phát triển trí tuệ chỉ mang tính cụ thể trực quan và chỉ dừng lại ở phạm vi hình ảnh quan sát riêng lẻ. Các em rất khó khăn trong việc nắm bắt những đặc điểm chung cơ bản nhất cho mọi đối tượng.

Tư duy của trẻ chậm phát triển trí tuệ thường thiếu tính liên tục. Trong quá trình học tập, một số học sinh khi giải quyết nhiệm vụ có những biểu hiện: lúc mới bắt đầu giải quyết nhiệm vụ thường đưa ra kết quả đúng, nhưng sau một thời gian ngắn thì để lại sai sót càng ngày càng nhiều; trẻ ít chú ý đến công việc, chóng mệt mỏi. Những trẻ này khi giải quyết những nhiệm vụ ở nhà thường cho kết quả đúng nhưng khi ở lớp học thường đưa ra những câu trả lời thiếu suy nghĩ, không phù hợp với nội dung. Có một số em tỏ ra chăm chỉ, cố gắng học tập, nhưng hiệu quả không cao. Nhiều giáo viên lầm tưởng đây là những học sinh có khả năng học tập tốt nên đã giao nhiệm vụ nhiều hơn. Do hiểu không đúng nên đã làm cho những em này học càng kém hơn.

Nguyên nhân hiện tượng này, theo Páplốp, là do trương lực thần kinh của trẻ bị yếu làm cho sự chú ý của trẻ không ổn định, thường xuyên dao động, làm cho trẻ không đủ khả năng tập trung suy nghĩ lâu về một đối tượng nào đó (hiện tượng này được thể hiện ở trẻ bị viêm não và tật động kinh).

Hiện tượng yếu vai trò điều chỉnh tư duy được thể hiện ở chỗ khi giao nhiệm vụ thì trẻ làm ngay hoặc giáo viên vừa nêu câu hỏi trẻ đã giơ tay xin trả lời, không có sự suy nghĩ; nghĩa là thiếu giai đoạn định hướng nên kết quả bao giờ cũng có sai sót và phải làm đi làm lại nhiều lần, những trẻ này ít khi nào nhận ra được sai lầm của bản thân.

Trên cơ sở những đặc điểm về sự phát triển tư duy của trẻ CPTTT cần phải đặt ra nhiệm vụ nhằm phát triển tư duy cho trẻ. một trong những nội dung của công việc này đó là hình thành tư duy là hướng vào sự phát triển hành động có định hướng và tính tích cực trong nhận thức, vào mối liên hệ giữa các thành tố chính của hoạt động có tư duy như: mối liên hệ giữa hành động, ngôn từ và hình ảnh.

Hình thành tư duy được coi là quá trình biện chứng thống nhất nơi mà mỗi loại tư duy đều là một thành tố cấu thành thiết yếu của toàn bộ quá trình tư duy chung.

Các giờ học hình thành tư duy được chia thành các hướng sau:

- Xây dựng ở trẻ tiền đề để phát triển tư duy trực quan thực tế.

- Hình thành hoạt động có mục đích công cụ trong quá trình thực hiện (tiến hành) các giờ học thực hành và vui chơi.

- Hình thành khái niệm khái quát về các đồ vật trợ giúp và dụng cụ cố đinh chặt chẽ của những môn học này; cho trẻ làm quen với những tình huống thực tiễn có vấn đề.

- Hình thành kỹ năng phân tích những tình huống này và dạy cách sử dụng các vật thể thay thế.

- Hình thành phương thức định hướng trong điều kiện thực tiễn có vấn đề và cách giải quyết chúng.

- Hình thành phương pháp thử như là phương pháp cơ bản giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn có vấn đề và tổng kết kinh nghiệm này bằng lời.

- Hình thành ở trẻ tư duy trực quan sinh động.

- Hình thành ở trẻ kỹ xảo phân biệt đồ vật theo hình ảnh, ngôn từ một cách tự giác.

- Dạy cho trẻ biết cách giải quyết những bài tập lôgíc đơn giản.

Nói tóm lại, giờ học hình thành tư duy ở trẻ được tiến hành theo các định hướng sau: hình thành tư duy trực quan thực tế, tư duy trực quan sinh động và các yếu tố của tư duy lôgíc.

Nhà bác học L.X.Vưgốtxki đã có những nhận xét và đề xuất phương hướng phát triển tư duy cho trẻ chậm phát triển trí tuệ mang ý nghĩa và nội dung vô cùng quan trọng đối với những người làm công tác giáo dục. theo ông trẻ chậm phát triển trí tuệ có khả năng tư duy trừu tượng kém, từ đó các nhà sư phạm đã đưa ra kết luận có vẻ như là đúng đắn rằng trong việc dạy học cho nhóm trẻ này cần phải dựa vào tính trực quan. Như vậy có nghĩa là hệ thống dạy học hoàn toàn dựa trên tính chất trực quan. Việc làm này chẳng những không giúp trẻ khắc phục được những khiếm khuyết tự nhiên, mà còn củng cố thêm khiếm khuyết ấy, làm cho trẻ hoàn toàn quen với tư duy trực quan, và chôn sâu những mầm mống yếu ớt của tư duy trừu tượng có ở những trẻ em này. Điều đó cho chúng ta thấy được rằng, trong quá trình dạy học các nhà sư phạm đã chỉ dựa vào điểm yếu của trẻ CPTTT và thức đẩy chúng đi theo hướng đó, phát triển ở trẻ chính các khuyết tật mà chúng mắc phải. Như vậy, trẻ sẽ vĩnh viễn mất đi cơ hội phát huy những khả năng còn lại của mình.

Để dạy được cách khái quát cần phải sử dụng các phương tiện đặc biệt trong dạy học. Giáo viên phải hiểu rõ môi trường, năng lực và sự hạn chế của đứa trẻ, tìm cách vứt bỏ dần các biểu tượng cụ thể, riêng lẻ, tiến đến mức độ nhận thức cao hơn, đó là khái quát, tư duy bằng ngôn ngữ; phải cải tiến nội dung và phương pháp dạy học, nhằm mục đích phát triển tư duy lôgích và tưởng tượng sáng tạo; vận dụng phương pháp trực quan trong dạy học nhưng phải có giới hạn, không được lạm dụng; tập cho các em quen dần cách phân tích sự vật, hiện tượng cách khái quát và rút ra kết luận; luyện tập báo cáo lại những gì đã nghe, đã thấy, đã làm và ý nghĩa của nó; đọc truyện, tham quan, quan sát là những hình thức tổ chức hoạt động để phát triển tư duy cho trẻ; chọn các loại truyện giúp cho sự phát triển tư duy cho trẻ, như truyện tranh liên hoàn, trả lời các câu đố.v.v giúp cho trẻ phát triển tư duy để học tập có kết quả các môn học phổ thông.

Những nguyên nhân học kém trên giờ học ở trường mầm non và phổ thông không chỉ liên quan đến những tổn thương trí tuệ (trì trệ và chậm phát triển), mà còn liên quan tới một vài đặc điểm cá thể của trẻ – tính xung động và chính điều này đã dẫn đến việc trẻ thiếu sự định hướng trong bài tập, không có kỹ năng tập trung chú ý và không có kỹ năng tổ chức hoạt động, bất an và thiếu tự tin. Tất cả những vấn đề này không liên quan đến tư duy nhưng chúng gây khó khăn cho trẻ trong việc học, lắng nghe giáo viên và thực hiện những nhiệm vụ của mình.

c. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ

Một trong những thành tựu quan trọng nhất của trẻ ở lứa tuổi mầm non là nắm vững tiếng mẹ đẻ như là phương tiện và khả năng giao tiếp của con người, phương tiện nhận thức. Chính ở lứa tuổi này đứa trẻ có khả năng nắm được lời nói. Nếu như trẻ không nắm được tiếng mẹ đẻ ở một mức nhất định vào độ tuổi 5-6 thì nó cũng không thể nói lưu loát được ở độ tuổi sau đó.

Tuy nhiên, qua việc quan sát kĩ các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng ngôn ngữ trẻ em chậm phát triển trí tuệ chậm hơn trẻ bình thường cùng độ tuổi. Những trẻ này, khi đến tuổi đi học có vốn từ ít. Trẻ chậm phát triển trí tuệ ít dùng những câu phức tạp, ít dùng liên từ các em cũng rất khó khăn khi cần tìm những từ diễn tả ý nghĩ của mình và thường trả lời cộc lốc. Trẻ CPTTT thường không hiểu được những từ ngữ có tính chất trừu tượng, đặc biệt là trẻ rất khó nắm bắt những khái niệm về các sự vật và hiện tượng xung quanh. Trong quá trình giao tiếp trẻ rất khó đáp ứng được những yêu cầu của người khác, ví dụ, khi yêu cầu trẻ “hãy đưa cho mẹ….” hoặc “hãy chọn cho cô 3 (đồ vật)?…..màu?….kích cỡ?….và đem đến đưa cho ai đó…” trẻ chỉ có thể thực hiện được một trong những yêu cầu đó mà thôi. Trẻ chậm phát triển trí tuệ không có khả năng ghi nhớ hết những câu nói của người khác nói với trẻ.

Những trẻ bị chấn thương não thường chóng mệt mỏi, thiếu chú ý nên khi viết thường rất cẩu thả, chữ nguệch ngoạc, nhiều lỗi chính tả. Đối với những trẻ này giáo viên cần kiên trì giúp đỡ thì mới hình thành được hành động viết.

Phát triển ngôn ngữ ở trẻ được tiến hành trong quá trình hoạt động ở tất cả các dạng khác nhau: trong đời sống hàng ngày, trong giao tiếp với các thành viên trong gia đình và trong các giờ học đặc biệt về phát triển lời nói. Trong các bài học về luyện tập cảm giác, hình thành tư duy đã tạo dựng ở trẻ những hình tượng khái niệm thích hợp của thực tiễn xung quanh; lĩnh hội ngôn từ và biểu đạt thuộc tính tính chất của vật thể, hình thành mối quan hệ nhân quả. Tất cả kinh nghiệm xã hội, tình cảm lĩnh hội được sẽ được củng cố vàkhái quát trong ngôn từ và chính lời nói sẽ nhận được cơ sở nội dung thích hợp.

Trong các bài học đặc biệt về phát triển lời nói, ngữ điệu lời nói sẽ được hệ thống hóa, khái quát hóa. Về ngữ điệu lời nói được trẻ tiếp thu trong quá trình thực hiện các dạng hoạt động khác, vốn từ của trẻ sẽ được mở rộng và chuẩn hóa, đồng thời đẩy mạnh ngôn ngữ mạch lạc. Ngoài ra, các nhiệm vụ điều chỉnh hợp lý đặc biệt được giải quyết: Hình thành các chức năng cơ bản của lời nói - chức năng định vị, bổ sung, nhận thức, điều chỉnh và giao tiếp và cũng tiến hành công tác điều chỉnh sự phát âm của trẻ.

Trong quá trình phát triển hoạt động ngôn ngữ ở trẻ cần phải chú ý đến các giờ học của từng cá nhân thường được hướng vào việc hình thành lời nói mạch lạc, cấu trúc ngữ  pháp và điều chỉnh cách phát âm.

Có thể giúp trẻ chậm phát triển trí tuệ phát triển ngôn ngữ bằng nhiều cách khác nhau nhưng hướng chung là:

+ Tổ chức giáo dục sớm cho trẻ

+ Cho trẻ đến trường học hoà nhập với bạn bè bình thường.

+ Nhà trường cần tổ chức đa dạng các loại hoạt động trong lớp, ngoài nhà trường. Đó là môi trường phát triển ngôn ngữ nói cho trẻ và là điều kiện cho trẻ phát triển tư duy.

+ Nhà trường phối hợp với gia đình giúp đỡ trẻ bằng cách tăng cường giao tiếp, chú ý sửa lỗi phát âm, sửa câu nếu trẻ nói sai; động viên trẻ luyện tập viết.

d. sự phát triển trí nhớ

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhận xét chung là trẻ chậm phát triển trí tuệ thường rất khó khăn trong việc ghi nhớ tài liệu học tập, nếu không có sự luyện tập thường xuyên thì trẻ sẽ quên hết mọi kiến thức đã học. đó là hiện tượng chậm nhớ, chóng quên ở những trẻ này.

Quá trình ghi nhớ không chỉ phụ thuộc vào nội dung, tính chất của đối tượng cần nhớ, mà còn phụ thuộc vào động cơ, mục đích và phương thức hành động cá nhân.

Trẻ chậm phát triển trí tuệ ghi nhớ máy móc tốt hơn ghi nhớ có ý nghĩa, chẳng hạn, do chỉ nhớ dấu hiệu bên ngoài các em cho rằng con chó cũng là con mèo vì đều có bốn chân và một số dấu hiệu bên ngoài gần giống nhau. cũng do yếu về tư duy nên trẻ CPTTT có sự hạn chế về khả năng tìm ra những dấu hiệu cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng cần nhớ, đặc biệt là trong hoạt động học tập, trẻ chậm phát triển trí tuệ rất khó khăn trong việc ghi nhớ những kiến thức. Từ đó, chất lượng trí nhớ của trẻ bị suy giảm nhiều và việc trẻ nhớ gián tiếp sẽ khó khăn hơn nhớ trực tiếp.

Nghiên cứu sự phát triển về trí nhớ hình ảnh của trẻ chậm phát triển trí tuệ các nhà tâm lý nhận thấy trí nhớ hình ảnh của trẻ cũng rất hạn chế. Ví dụ, khi cho trẻ xem một bảng lớn có vẽ 9 -10 đồ vật khác nhau và yêu cầu trẻ hãy nhớ vị trí của những đồ vật đó (thời gian xem là 5 phút). sau đó, cất bảng đi và đặt câu hỏi cho trẻ “Trong bảng có vẽ những hình gì?” Trẻ  chỉ nêu được 3 hình vẽ trong bảng.

Ngoài ra, về trí nhớ ngôn ngữ của trẻ cũng gặp không ít những khó khăn, trẻ chỉ có thể ghi nhớ được 4-5 từ trong tổng số 10 từ mà cô giáo đọc cho trẻ nghe trong 6 lần với tốc độ đọc là mỗi từ một giây.

Phát triển trí nhớ và khắc phục sự quên cho các em chậm phát triển trí tuệ là một việc hết sức khó khăn, phức tạp. để khắc phục dần những khó khăn cho trẻ chậm phát triển trí tuệ trong việc ghi nhớ, cần phải có các biện pháp đặc thù trong việc giáo dục và dạy dỗ trẻ. Trong tất cả các giờ học với trẻ cần phải chú ý đến việc phát triển các loại trí nhớ.

Những đứa trẻ có vấn đề cũng như những đứa trẻ phát triển bình thường khác đều có sự phát triển vượt trội của một số dạng trí nhớ và chúng tham gia vào hoạt động này hay hoạt động khác của trẻ với những mức độ khác nhau.

Các nhà sư phạm và những bậc phụ huynh cần phải là những nhà quan sát tinh ý để thấy được các loại (hình) trí nhớ nổi trội và cân nhắc đến điều này khi đưa vào hoạt động của trẻ những bài tập để bước đầu hình thành loại trí nhớ chủ đạo, sau đó phát triển các loại trí nhớ khác. Việc phát triển các loại trí nhớ cho phép hình thành và củng cố ở trẻ những tri giác hình ảnh thích hợp của thế giới hiện thực xung quanh. Và cái chính là tri giác những hình ảnh đa dạng là cơ sở để hình thành những khái niệm khái quát, linh hoạt hơn về vật thể và hiện tượng của môi trường xung quanh.

e. đặc điểm phát triển tình cảm

sự rối loạn trong quá trình phát triển tâm lý và thể chất ở trẻ em cPTTT đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển tình cảm và cảm xúc của trẻ. một trong những biểu hiện đặc trưng đó là ở trẻ xuất hiện nhiều loại phản ứng mang tính xúc cảm khác nhau: tự vệ-công kích, tự vệ -thụ động “quá trẻ con” (G.E.Xukhareva-1959). Tất cả đều là dạng thần kinh ban đầu của nhân cách. Trong đó, ở một số trẻ là sự hung dữ, hành động không nhất quán,  những hành vi thiếu suy nghĩ, còn ở một số trẻ khác là sự nhút nhát, hay khóc nhè, thiếu tự tin, đa nghi, thiếu việc biểu hiện tính sáng tạo và niềm đam mê. Trẻ cPTTT thường tự đánh giá cao, có tính ích kỷ, thiếu tính yêu lao động, không có khả năng đồng cảm và tự hạn chế, có xu hướng về bệnh cảm xúc mạnh.

Do ảnh hưởng của sự rối loạn trí tuệ nên ở nhóm trẻ này thường không có những khái niệm về bản thân, về những người xung quanh trẻ, trẻ không biết thiết lập mối quan hệ và bày tỏ thái độ tích cực của mình với người khác.

Ở lứa tuổi sơ sinh, ngay sau khi chào đời đến lúc được khoảng vài tuần tuổi ở trẻ chậm phát triển trí tuệ không xuất hiện nhu cầu tình cảm và xã hội, một số những biểu hiện đặc trưng đó là trẻ  không chăm chú nhìn mẹ, không dõi mắt theo người thân hoặc lạ không bày tỏ thái độ ngưng khóc khi được bế, hoặc mỉm cười khi thấy mình trong gương.v.v…

Vào khoảng 3-4 tuổi trẻ CPTTT không biết thể hiện tình cảm của mình đối với những gì mà chúng yêu thích hoặc không thích. Ví dụ, khi xem một quyển truyện tranh, hay chơi với một chiếc ôtô, một con búp bê.v.v chúng không biết thể hiện các hành động thực tiễn đối với chiếc ôtô hoặc quyển sách đó (như sờ mó, ngắm nghía, vuốt ve..), thậm chí có trẻ còn có những hành vi bất thường đối với những món đồ chơi như: bẻ chân tay của búp bê, móc mắt, cắt tóc, đập vỡ ô tô, xé sách…

Tất cả những điều trên cho chúng ta thấy rằng ở trẻ chậm phát triển trí tuệ sự rối loạn hành vi và cảm xúc cũng biểu hiện rất rõ. Tính tích cực trong phạm vi tình cảm của trẻ CPTTT rất hạn chế, chúng thờ ơ và gần như vô cảm đối với mọi sự vật hiện tượng xung quanh. Trẻ chậm phát triển trí tuệ thường không thích chơi những trò chơi tập thể, trò chơi sắm vai, trò chơi mô phỏng (bắt chước) v.v. trẻ không quan tâm đến bạn bè cùng lứa tuổi, không chơi cạnh bạn và quan sát những trẻ khác. Trẻ rất khó khăn trong việc hợp tác với người lớn như bố, mẹ, anh chị, cô giáo trong sinh hoạt hằng ngày.

Chính vì lẽ đó, trong cuộc sống hằng ngày ở nhà cũng như ở trường cha mẹ và các giáo viên cần phải có sự điều chỉnh kịp thời và phù hợp những biểu hiện tình cảm và cảm xúc của trẻ, thông qua một số các loại hình hoạt động như: âm nhạc, mỹ thuật, môi trường xung quanh, làm quen văn học, vui chơi…để làm cho cuộc sống của trẻ thêm phong phú, tràn ngập cảm xúc tốt đẹp, hình thành cách ứng xử phù hợp và hài hoà của trẻ đối với bạn bè cùng tuổi và những người lớn xung quanh, hình thành ở trẻ các phẩm chất tốt đẹp đó là lòng vị tha, tính đôn hậu và kiên trì, khái niệm về tinh thần giúp đỡ lẫn nhau.v.v. điều cơ bản nhất là tạo cho trẻ khả năng bước vào cuộc sống xã hội một cách tự  tin và độc lập.

g. Nhu cầu và khả năng của trẻ CPTTT

- Nhu cầu của trẻ CPTTT

Trẻ CPTTT cũng có những nhu cầu như trẻ bình thường nếu không muốn nói đó là những nhu cầu vô cùng mạnh mẽ và cấp bách đối với các em. Tuy nhiên, những hạn chế do khuyết tật gây ra có ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động thể chất và tinh thần. Vì vậy, các em có những nhu cầu cấp bách đòi hỏi phải hỗ trợ, kích thích nhu cầu cũng như mong muốn, nỗ lực để đáp ứng của chính bản thân trẻ, giúp các em có thể tham gia hoạt động và hoà nhập với xã hội dễ dàng.

Những nhu cầu cơ bản của trẻ CPTT là:

+ Nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở và chăm sóc  y tế

+ Nhu cầu được vui chơi, giải trí: thấy những trẻ khác vui chơi các em cũng rất muốn được tham gia, được chơi đặc biệt là những trò chơi vui nhộn hấp dẫn… Trẻ rất thích xem các chương trình trò chơi, chương trình thiếu nhi vui nhộn trên TV, nghe đài…

+ Nhu cầu được đi học: Các em cũng rất thích được đi học, mong muốn được đến trường. Biểu hiện: trẻ rất thích cầm bút viết mặc dù chỉ viết được những chữ rất đơn giản, có khi chỉ là những nét vẽ nguyệch ngoạc, trẻ rất thích đeo cặp sách….

+ Nhu cầu về an toàn: Nhiều  trẻ chậm phát triển rất e dè, mất tự tin, các em không thích tiếp xúc với người lạ.

+ Nhu cầu khẳng định bản thân: Nhiều trẻ CPTTT rất muốn được thể hiện trước đám đông: múa, hát..

- Khả năng của trẻ CPTTT

Theo quan điểm của Tật học hiện đại thì trẻ khuyết tật không phải ít phát triển hơn so với trẻ bình thường mà chúng phát triển theo một chiều hướng khác. mọi trẻ em sinh ra và lớn lên trong xã hội loài người đều có những nhu cầu cơ bản về cơ thể, sự an toàn và những khả năng nhất định. Trẻ khuyết tật cũng có những nhu cầu cơ bản và khả năng nhất định tuy ở những mức độ khác nhau so với trẻ em bình thường. Trẻ cPTTT cũng có những khả năng nhất định. đó là biết mặc quần áo, vệ sinh nhà cửa, lau rửa bát chén… Trẻ cũng có khả năng múa, làm xiếc (uốn thân, ngồi xếp bằng)…trẻ có khả năng nhận biết các hiệu lệnh….tất nhiên mức độ khả năng của trẻ có thấp hơn những trẻ bình thường rất nhiều.

Trẻ có thể tham gia các hoạt động như mọi thành viên khác trong cộng đồng. Tuy nhiên trẻ có được tham gia các hoạt động đó để thể hiện và phát triển các tiềm năng của bản thân hay không tuỳ thuộc phần lớn vào sự tạo điều kiện của gia đình, cộng đồng và toàn xã hội.

**3. Tâm lý của học sinh có hoàn cảnh khó khăn:**

a). Khái niệm hoàn cảnh khó khăn:

Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là những trẻ em dưới 16 tuổi có nhiều khó khăn trong học tập, bao gồm: Trẻ em người dân tộc thiểu số chưa biết tiếng Việt; Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa;

\* Các yếu tố tiêu cực: bị bỏ bê, thiếu ăn, bệnh tật, thất học, bị lạm dụng…bị hành hạ về mặt thể xác và tinh thần.

Không đủ các yếu tố tích cực: Yêu thương, cơ hội..

Mức độ khó khăn nào mới gây sự chú ý của quần chúng để được bảo vệ, can thiệp. Thường không có sẳn tài nguyên hỗ trợ, chỉ khi nào một số lớn trẻ rơi vào hoàn cảnh khó khăn thì mới được huy động.

b). Các yếu tố gây “khó khăn”

Thiếu ăn thiếu mặc

Thiếu chổ trú thân

Thiếu sự chăm sóc y tế

Thiếu tình thương và quan tâm hỗ trợ

Thiếu cơ hội học hành, vui chơi, giải trí

Người có trách nhiệm thiếu kiến thức về nhu cầu của trẻ

Người có trách nhiệm thiếu phương tiện đáp ứng nhu cầu của trẻ

Thiếu sự bảo vệ

Quá nhiều cám dỗ và thử thách

Quá nhiều trách nhiệm trước tuổi.

\* Các nguyên nhân gây ra hoàn cảnh khó khăn.

Thiên tai, chiến tranh

Nguyên nhân không do đột biến, từng bước một, tạo sự thử thách sức chịu đựng của trẻ, bề ngoài không nhìn thấy sự tác động. Nếu mạng lưới hỗ trợ của công đồng yếu kém thì không ai thấy và không ai chịu trách nhiệm. Chỉ khi nào có trường hợp thương tâm, gây xúc động cho dư luận xã hội thì xã hội mới quan tâm đến.

Nghèo đói

Cha mẹ có vấn đề: cơ chế giận cá chém thớt.

c). Các dạng trẻ trong hoàn cảnh khó khăn.

Trẻ mồ côi; Trẻ em đường phố; Trẻ khuyết tật; Trẻ nghiện ma túy; Trẻ mại dâm; Trẻ làm trái pháp luật; Trẻ lao động; Trẻ bị bỏ rơi, bị bạo hành; Trẻ bị nhiểm chất độc màu da cam. Trẻ tị nạn

\* Các dạng hoàn cảnh khó khăn ít được đề cập đến:

Trẻ có trách nhiệm quá nặng nề như nuôi cha mẹ

Trẻ bị lạm dụng trong gia đình, âm thầm chịu đựng

Trẻ bị bỏ rơi và đưa vào các trường trại.

Trẻ không được đi học.

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh không bình thường về thể chất hoặc tinh thần, không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hòa nhập với gia đình, cộng đồng.

d). Các đặc điểm tâm lý của trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

- Niềm tin huỷ hoại

+ Các trẻ em thường có một số niềm tin đưa các em tới chỗ cư xử hoặc suy nghĩ, theo những hướng có hại cho các em. Những niềm tin tự hủy hoại khớp với các loại sau đây :

+ Những niềm tin “phải, buộc phải”: phải làm những điều người khác muốn trẻ phải làm chứ không phải để đạt các nhu cầu của bản thân.

Những niềm tin gây thảm họa: không đưa đến một khả năng lựa chọn nào cho tương lai và không tránh khỏi khiến trẻ cảm thấy thất vọng chán nản (Em không bao giờ học nữa)

+ Những niềm tin “luôn luôn” và “không bao giờ”: sự phóng đại sự thật và khiến trẻ cảm thấy khó chịu vì có những lúc có điều tích cực xảy ra đều bị làm ngơ hoặc phủ nhận. “mọi người luôn luôn chỉ trích em”

những niềm tin không khoan dung người khác: niềm tin cho rằng người khác vốn hư hèn, xấu xa hoặc ác ý, không làm điều đáng ra họ phải làm và không đạt tới kỳ vọng của trẻ đưa đến những cảm nghĩ tiêu cực và làm hỏng các mối quan hệ.

+ Những niềm tin đổ lỗi: kiếm cớ khước từ nhu cầu tự sửa đổi, và muốn ai khác phải thay đổi.

+ Những niềm tin nhận thức tiêu cực về bản thân: “Em khó ưa, em là người xấu”, niềm tin bị loạ

- Sự ứng phó với trầm cảm:

+ Trầm cảm được biểu lộ bằng trạng thái suy kém rõ ràng với sự mất quan tâm hoặc vui thú trong các hoạt động bình thường

+ Sự trầm cảm cũng có thể là kết quả của những ý nghĩa tiêu cực. những ý nghĩa này có thể bao gồm cái nhìn tiêu cực về bản thân, những diễn dịch tiêu cực về các kinh nghiệm riêng và những quan điểm tiêu cực về tương lai.

+ Trẻ em ứng phó với chứng trầm cảm bằng rất nhiều cách. Một số trẻ em có thể trốn chạy khỏi gia đình. Một số, đặc biệt là các em trai, biểu lộ cảm nghĩ bằng những hành vi hướng ngoại và có thể hành động quá khích. các em gái thường biểu lộ sự trầm cảm theo cách hướng nội, băn khoăn và/hoặc trở nên lo lắng.

- Trẻ em trải qua rối loạn lo lắng có thể cho thấy các triệu chứng nôn nóng, bất an, phiền muộn, mất ngủ, kém tập trung, đi tiểu thường, trạng thái kích động, trí tuệ yếu, choáng váng, căng cơ bắp hoặc dễ bị mệt.

- Mặc cảm có tội, tự trách mình: Trẻ hổ thẹn vì những gì đã xảy đến cho mình như bị cưỡng dâm, bị làm nhục hoặc các em tự trách mình vì đã không tự bảo vệ được.

- Giận dữ và có ác cảm: Một số trẻ tức giận người lớn vì bị bạc đãi hoặc không được chăm sóc thích đáng hoặc có thể do các em cứ đinh ninh sẽ bị phê bình hoặc trừng phạt.

- hoài nghi, thiếu tin tưởng: Trẻ sống trong hoàn cảnh khó khăn thường có đủ lý do để ngờ vực. Những người lớn mà các em thường gặp thường có vẻ xa cách với trẻ và không hiểu được những khó khăn này.

- Khó diễn tả cảm xúc bằng lời: có thể do bị choáng ngộp bởi chính tâm trạng của mình và muốn đè nén những tâm trạng đó hoặc trẻ chưa bao giờ được khuyến khích để tự nói về mình và không có đủ lời để diễn tả tâm trạng.

-Không nói thật: Vì trẻ ước mơ một hoàn cảnh khác, tránh né những đề tài đau thương, sợ bị hậu quả xấu, trẻ cố gắng muốn lấy lòng người lớn (cố gắng nói ra những điều hay hoặc những điều mà người lớn muốn nghe), cố ý nói dối để tránh câu chuyện, không muốn tiếp xúc với người khác hoặc để gây sự chú ý của người nghe.

e). tâm trạng của trẻ trong hoàn cảnh khó khăn.

trẻ trong hoàn cảnh khó khăn thường biểu lộ các tâm trạng như sau :

- Mất đi sự ham thích và sinh lực : trẻ đau khổ, lo lắng hoặc sợ sệt có thể ngồi yên một chổ suốt ngày, không ham thích một hoạt động nào, mất hết cả sinh lực.

- Ít tập trung và nhiều bức rứt : trẻ buồn, lo lắng thường khó tập trung tư tưởng. đôi khi căng thẳng quá, trẻ trở nên hết sức năng động, bức rứt: chạy nhảy khắp nơi, không thể ngồi yên và có thái độ gàn dỡ, dễ bị kích động.

hung hăng và phá phách: Trẻ dễ đâm ra hung hăng, phá phách khi có cảm xúc mạnh. Vì không thể diễn tả tâm trạng bằng lời nói, trẻ có thể đánh đập người khác khi chúng cảm thấy căng thẳng, tức giận hoặc sợ hải. Trẻ bắt chước những hành vi hung hăng vì trẻ đã từng là nạn nhân của những hành vi bạo lực.

- Không tin tưởng vào người lớn nếu trẻ đã từng bị người lớn đối xử hung bạo. Tuy nhiên, những trẻ mồ côi lại bám chặt lấy người lớn như sợ sẽ bị bỏ rơi, có trẻ lại không muốn đem lòng thương mến ai.

Buồn bã và khó tính, rất dễ nổi cáu.

Trẻ không phải lúc nào cũng có thể nói về tâm trạng của mình. Trẻ có thể vì quá bối rối hoặc sợ hãi nên không xác định được tâm trạng của mình hoặc không biết nói như thế nào để diễn tả tâm trạng.

Kết luận

hiểu được những đặc điểm tâm lý của trẻ có hoàn cảnh khó khăn và các nguyên nhân đưa đến hoàn cảnh đó sẽ giúp chúng ta trong việc hỗ trợ và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của trẻ, giúp trẻ thay đổi tích cực để dễ dàng hội nhập và phát triển một cách bình thường trong cuộc sống bình thường.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *........, ngày....tháng....năm...* |
|  | **Người viết** |